| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2026/DS-ST
Ngày: 03-4-2026
*"Về việc tranh chấp hợp đồng gia công"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Thị Miên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Nguyễn Thành Dũng

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Thành - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 404/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Số D, Quốc lộ A, ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Phạm Tố U – Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn K1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Kim Hoành N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm V, thị trấn V, Thành phố Cần Thơ.

3. Ông Trần Minh D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Y, xã T, tỉnh An Giang.

(Ông K, bà U có mặt; ông K1, ông N, ông D, ông T có yêu cầu vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Tuấn K trình bày:*

Ông biết đến Công ty TNHH S ASIA thông qua bạn bè và sau đó trực tiếp liên hệ với bà Nguyễn Phạm Tố U - Giám đốc công ty để thỏa thuận nhận gia công cơ khí. Ông là người đại diện cho nhóm 05 người nhận các đơn hàng gia công, phân công công việc và nhận thanh toán từ công ty. Hai bên đã thực hiện nhiều thỏa thuận gia công. Cụ thể:

- Đơn hàng 1: Công ty còn giữ thế chân máy 1.000.000 đồng.

- Đơn hàng thứ 2: Ngày 19/06/2025, ký kết thỏa thuận gia công cơ khí số 08/0625 để gia công + hàn vệ sinh giường D2-39, số lượng 160 cái, đơn giá 130.000 đồng/cái, với số tiền 20.800.000 đồng, đội ông đã hoàn thành tốt công việc đúng thời hạn vào ngày 28/06/2025 đến 30/06/2025 đã nhận đủ lương như thỏa thuận, công ty còn giữ lại 1.000.000 đồng thế chân máy.

- Đơn hàng thứ 3: Ngày 28/06/2025, ký kết thỏa thuận gia công cơ khí số 15/0625 để gia công, hàn vệ sinh giường D2-39, số lượng 200 cái, đơn giá 130.000 đồng/cái, với số tiền 26.000.000 đồng. Đội của ông làm việc đến ngày 09/07/2025 hoàn thành toàn bộ đơn hàng bàn giao cho công ty. Đơn hàng này công ty đã ứng 30% với số tiền 7.500.000 đồng vào ngày 05/07/2025, còn lại là 70% với số tiền là 18.500.000 đồng chưa thanh toán.

- Đơn hàng thứ 4: Ngày 09/07/2025, ký kết thỏa thuận gia công cơ khí số 10/0725 để gia công, hàn vệ sinh giường D2-39, số lượng 200 cái, đơn giá 130.000 đồng/cái, với số tiền 26.000.000 đồng. Sáng ngày 10/07/2025 đội thợ ông bắt đầu làm việc. Khoảng 15 giờ ngày 10/7/2025 bà U yêu cầu trừ 500.000 đồng do lỗi mài cạnh của 02 cái giường trong đơn hàng 2 nhưng ông không đồng ý vì đơn hàng đã chốt và thanh toán đầy đủ, lúc đó ông nóng giận và cùng anh em bỏ ra về. Khoảng 17 giờ cùng ngày nhân sự công ty nhắn tin mời đội của ông sáng ngày 11/07/2025 lên họp để chốt lại tình hình công việc. 07 giờ 30 phút ngày 11/7/2025 đội thợ của ông đã đến Công ty S để trao đổi công việc gồm có kế toán, nhân sự, quản lý xưởng. Cuộc họp thống nhất việc trừ số tiền 500.000 đồng của đơn hàng trước và đội của ông tiếp tục làm việc hết đơn hàng số 4, sau đó đội của ông ở lại công ty làm việc đến hết ngày 11/07/2025. Cuối ngày 11/7/2025, ông K nhắn tin yêu cầu bà U thanh toán 70% số tiền còn lại của đơn hàng thứ 3 để phát lương cho anh em trong nhóm

nhưng bà U không đồng ý và yêu cầu hoàn thiện xong đơn hàng thứ 4 mới thanh toán cả hai đơn, trao đổi diễn ra qua tin nhắn Zalo ông cung cấp. Đến sáng ngày 12/7/2025 nhóm thợ của ông vẫn lên công ty để làm việc nhưng bảo vệ công ty không cho vào (không nhận được lý do tại sao không cho vào) nên nhóm của ông ra về. Trong đơn hàng này nhóm thợ của ông làm việc trọn 2 ngày với năng suất công việc khoảng 2/7 đơn hàng với số tiền khoảng 7.428.000 đồng nhưng ông làm tròn là 7.000.000 đồng.

Đến sáng ngày 14/07/2025 ông cùng anh em lên công ty chờ trước cổng để gặp bà U yêu cầu thanh toán, các ông có hành động ngăn cản 1 số nhân viên của công ty không cho họ vào làm đến khi nào công ty đồng ý trả lương, sau khi gặp được bà U do bà U nói không nợ nần gì không trả lương, gây ồn ào trước cổng Công ty T1 (nơi bị đơn thuê địa điểm sản xuất) có mời công an lên để bảo vệ trật tự, ông đã trình bày với công an là ông đến công ty để xin nhận lại lương, và được hướng dẫn đến Ủy ban để làm đơn phản ánh. Sau đó thì phát sinh khởi kiện đến nay.

Ông khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH S trả cho ông số tiền còn nợ là 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) phát sinh từ thỏa thuận gia công cơ khí. Bao gồm: 70% giá trị đơn hàng số 3 là 18.500.000 đồng, đơn hàng số 4 là 7.000.000 đồng và tiền thế chân máy của 2 đơn hàng trước đó là 2.000.000 đồng.

*Tại đơn phản tố ngày 12/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH S do bà Nguyễn Phạm Tố U trình bày:*

Về quan hệ tranh chấp: Giữa ông Trần Tuấn K và công ty chỉ phát sinh từ các Thỏa thuận gia công cơ khí số 15/0625 ngày 28/6/2025 và số 10/0725 ngày 09/7/2025, liên quan đến việc gia công, hàn và vệ sinh sản phẩm. Hai bên không ký kết hợp đồng lao động, công ty không quản lý, điều hành theo quan hệ lao động; ông K tự tổ chức công việc và nhận thanh toán theo sản phẩm. Vì vậy, bị đơn xác định đây là tranh chấp hợp đồng gia công theo vụ án kinh doanh thương mại, không phải tranh chấp lao động hay dân sự.

Về thẩm quyền: Công ty có trụ sở chính tại tỉnh Hưng Yên, còn cơ sở tại Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) chỉ là địa điểm kinh doanh, không có chức năng đại diện, không ký kết giao dịch với ông K. Hai bên cũng không có thỏa thuận lựa chọn Tòa án. Do đó, theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở. Đề nghị Tòa xác định lại quan hệ tranh chấp là hợp đồng thương mại và chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền tương ứng.

Ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn: Ông K là người đứng ra nhận gia công sản phẩm cơ khí theo các thỏa thuận gia công cơ khí, nhóm của ông K làm

việc có 05 người gồm ông K, ông N, ông K1, ông T, ông D làm việc trong công ty nhưng việc thanh toán là công ty chỉ thực hiện đối với ông K. Công ty với ông K có ký kết 04 thỏa thuận gia công cơ khí (gọi tắt là đơn hàng) và công ty còn giữ thế chân của ông K trong 02 đơn hàng trước là 2.000.000 đồng. Còn 02 hợp đồng gia công còn chưa giải quyết dứt điểm là đơn hàng số 15/0625 (ngày 28/6/2025) và 10/0725 (ngày 09/7/2025).

Đối với đơn hàng ký ngày 28/06/2025, để gia công 200 cái giường, đơn giá 130.000 đồng/cái, với số tiền 26.000.000 đồng. Ông K bàn giao sản phẩm vào ngày 09/7/2025. Đơn hàng này công ty đã ứng cho ông K 30% giá trị đơn hàng tương đương 7.500.000 đồng vào ngày 05/7/2025. Phần tiền còn lại 18.500.000 đồng chưa thanh toán. Theo phiếu nhập kho ngày 09/7/2025 khi kiểm hàng thì có nhận xét: "*hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng, mối hàn liền, chú ý mài nguội bằng hơn*". Ngày 10/7/2025 công ty có trao đổi và yêu cầu ông K phối hợp nghiệm thu các sản phẩm không đạt để xác định nguyên nhân và phương án xử lý, đồng thời đề xuất phương án xử lý là giữ lại 500.000 đồng làm chi phí sửa chữa các sản phẩm lỗi. Tuy nhiên, ông K không đồng ý với đề xuất này và từ chối phối hợp nghiệm thu. Đồng thời bàn giao máy móc thiết bị, tự ý chấm dứt đối với đơn hàng số 4 và cả đội hàn bỏ ra về vào khoảng 15 giờ cùng ngày.

Cuối ngày 10/7/2025, nhân sự công ty có mời ông K làm việc vào sáng ngày 11/7/2025 và được ký biên bản phát hiện lỗi ngày 11/7/2025. Sau cuộc họp thì nhân viên công ty là ông Nguyễn Trọng H – quản lý kỹ thuật của công ty có trao đổi qua zalo là cho phép ông K tiếp tục hoàn thiện đơn hàng thứ 4, đội hàn ông K làm việc đến hết ngày 11/7/2025.

Đêm ngày 11/7/2025, ông K nhắn tin yêu cầu đòi thanh toán tiền còn lại của đơn thứ 3 nhưng bà U không đồng ý, bà yêu cầu bắt buộc phải hoàn thiện đơn hàng thứ 4 thì bà mới đồng ý thanh toán hết giá trị 2 hợp đồng, nếu có tạm ứng thì chỉ tạm ứng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/người để hỗ trợ nhưng ông K không đồng ý, hai bên không thống nhất được phương án. Do đó, công ty không đồng ý cho ông K tiếp tục hợp đồng và yêu cầu bảo vệ không cho đội ông K vào công ty làm tiếp vào ngày 12/7/2025.

Đến ngày 14/7/2025 nhóm thợ của đội ông K tụ tập trước cổng công ty ngăn cản, hành hung không cho nhân viên của công ty vào làm việc.

Như vậy, đối với đơn hàng thứ 3: Việc không nghiệm thu khiến công ty không thể hoàn tất các hồ sơ thanh toán theo quy trình thỏa thuận giữa hai bên, bao gồm đề nghị thanh toán, hóa đơn, biên bản hoàn thành công việc. Vì thiếu các điều kiện thanh toán phát sinh từ việc không thực hiện nghiệm thu, nghĩa vụ thanh toán phần còn lại của công ty chưa phát sinh. Căn cứ thỏa thuận, Công ty yêu cầu ông K bồi thường 30% giá trị đơn hàng là 7.800.000 đồng.

Đối với đơn hàng thứ 4, sau mâu thuẫn về việc nghiệm thu ở đơn hàng trước, ông K đơn phương ngừng thực hiện, không gia công bất kỳ sản phẩm nào nên không phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo cả hai thỏa thuận, việc ông K yêu cầu thanh toán là không có cơ sở và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, ông K tự ý dừng toàn bộ việc gia công, làm Công ty không có sản phẩm để sản xuất và phát sinh chi phí cố định. Công ty yêu cầu ông K bồi thường giá trị thỏa thuận 26.000.000 đồng và thiệt hại chi phí cố định là 117.722.296 đồng, tổng cộng 143.722.296 đồng.

Về hành vi gây rối ngày 14/7/2025, ông K tụ tập, cản trở công nhân vào làm việc trong 01 giờ, gây gián đoạn sản xuất và ảnh hưởng uy tín Công ty. Công ty yêu cầu bồi thường 1.670.854 đồng (gián đoạn sản xuất) và 500.000.000 đồng (tổn thất uy tín, môi trường lao động), tổng 501.670.854 đồng.

Từ các nội dung trên, bị đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố, buộc ông Trần Tuấn K bồi thường tổng số tiền 653.193.150 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K1, ông Kim Hoành N, ông Trần Minh D, ông Nguyễn Văn T*: Thống nhất với lời trình bày của ông K. Yêu cầu công ty trả tiền cho ông K để ông K trả lại tiền công cho các ông. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì các ông không đồng ý toàn bộ. Ngày 14/7/2025 các ông có đến công ty để chặn một số công nhân của Công ty S ASIA lại để hỏi việc trả tiền lương, sau khi hòa giải thì các ông ra về, không gây thiệt hại gì đối với bị đơn nên không đồng ý bồi thường khoản tiền nào.

*Tại phiên tòa,*

*Nguyên đơn ông Trần Tuấn K* rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng theo hợp đồng gia công thứ 4 số 10/0725, đồng ý trừ 500.000 đồng do lỗi của hợp đồng gia công thứ 3 số 15/0625. Ông chỉ yêu cầu công ty hoàn trả số tiền còn lại của đơn hàng 15/0625 là 18.000.000 đồng và tiền thế chân 2.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông đồng ý bồi thường thiệt hại tổn thất 01 giờ làm việc do hành vi tụ tập ngày 14/7/2025 theo yêu cầu của bị đơn là 1.657.466 đồng, không đồng ý đối với yêu cầu phản tố còn lại.

*Bị đơn do bà Nguyễn Phạm Tố U trình bày*: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý trả lại số tiền 2.000.000 đồng thế chân, không đồng ý thanh toán số tiền còn lại của đơn hàng thứ 3.

Đối với yêu cầu phản tố: Tại đơn phản tố bị đơn yêu cầu ông Trần Tuấn K bồi thường tổng số tiền 653.193.150 đồng gồm: 30% giá trị đơn hàng số 15/0625 là 7.800.000 đồng, thiệt hại của đơn hàng số 10/0725 là 143.722.296 đồng (giá trị thỏa thuận của đơn hàng là 26.000.000 đồng và thiệt hại chi phí cố định là 117.722.296 đồng), bồi thường thiệt hại do hành vi gây rối ngày 14/7/2025 là 501.670.854 đồng (gồm thiệt hại 01 giờ do gián đoạn sản xuất là 1.670.854 đồng và tổn thất uy tín, môi trường lao động 500.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn xác định lại yêu cầu phản tố: Yêu cầu ông Trần Tuấn K bồi thường tổng số tiền 173.358.678 đồng gồm: 30% giá trị đơn hàng số 15/0625 là 7.800.000 đồng, thiệt hại của đơn hàng số 10/0725 là 163.901.212 đồng (giá trị thỏa thuận của đơn hàng là 26.000.000 đồng và thiệt hại chi phí cố định là 137.901.212 đồng), bồi thường thiệt hại 01 giờ gián đoạn sản xuất là 1.657.466 đồng do hành vi gây rối ngày 14/7/2025. Xin rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 479.834.472 đồng.

Các đương sự thống nhất cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Tuấn K tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng theo thỏa thuận gia công cơ khí số 10/0725 ngày 09/7/2025; bị đơn Công ty TNHH S do bà Nguyễn Phạm Tố U đại diện tự nguyện rút một phần yêu cầu phản tố đối với khoản tiền 479.834.472 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút.

Ông K đồng ý bồi thường cho bị đơn khoản tiền 1.657.466 đồng tương ứng với thiệt hại do việc gián đoạn khoảng 01 giờ làm việc do hành vi tụ tập ngày 14/7/2025; bị đơn đồng ý hoàn trả số tiền thế chân 2.000.000 đồng cho nguyên đơn. Sự thỏa thuận này là tự nguyện và không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với thỏa thuận gia công cơ khí số 15/0625 ngày 28/6/2025, nguyên đơn đã hoàn thành việc gia công và bàn giao sản phẩm cho bị đơn. Bị đơn đã tạm ứng 7.500.000 đồng, các bên có biên bản thống nhất có phát sinh lỗi kỹ thuật với chi phí khắc phục 500.000 đồng và tại phiên tòa ông K đồng ý trừ số tiền 500.000 đồng. Do đó, sau khi khấu trừ số tiền đã tạm ứng và chi phí sửa lỗi, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 18.000.000 đồng. Yêu cầu phản tố của bị đơn chỉ có cơ sở chấp nhận đối với số tiền 500.000 đồng.

Đối với hợp đồng 10/0725: Bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm giá trị thỏa thuận của đơn hàng là 26.000.000 đồng và thiệt hại chi phí cố định là 137.901.212 đồng, tổng cộng là 163.901.212 đồng. Xét thấy, ngày 10/7/2025 và 11/7/2025 đội ông K đến địa điểm thỏa thuận để thực hiện gia công sản phẩm theo đơn hàng đã ký, tuy nhiên mâu thuẫn phát sinh từ cuối ngày 10/7/2025 đến sáng 11/7/2025 đã được hai bên họp lại và thống nhất tiếp tục cho đội ông K làm. Đội

ông K thực hiện việc gia công hết ngày 11/7/2025, đến sáng ngày 12/7/2025 thì bảo vệ không cho đội ông K vào làm, nên xét thấy lỗi dẫn đến việc không tiếp tục thực hiện được đơn hàng này xuất phát từ việc Công ty không đồng ý cho đội ông K tiếp tục làm. Hơn nữa, không có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh việc đội ông K không tiếp tục gia công là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các thiệt hại chi phí cố định như Công ty đưa ra

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 7.000.000 đồng và phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền 479.834.472 đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn đồng ý bồi thường cho bị đơn 1.657.466 đồng do tổn thất 01 giờ làm việc và bị đơn đồng ý hoàn trả 2.000.000 đồng tiền thế chân máy cho nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 18.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn với số tiền là 500.000 đồng; không chấp nhận các yêu cầu phản tố còn lại của bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Giữa ông Trần Tuấn K và Công ty TNHH S có giao kết các thỏa thuận gia công cơ khí theo từng đơn hàng, trong đó ông K đại diện nhóm thợ thực hiện việc gia công sản phẩm và công ty thanh toán tiền theo sản phẩm hoàn thành. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"tranh chấp hợp đồng gia công"* theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bị đơn cho rằng đây là tranh chấp hợp đồng thương mại và đề nghị chuyển hồ sơ cho Tòa án nơi đặt trụ sở chính của công ty giải quyết, tuy nhiên ông K không đăng ký kinh doanh, việc nhận gia công mang tính chất cá nhân nên không thuộc quan hệ thương mại; đồng thời bị đơn có địa điểm kinh doanh tại tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K1, ông Kim Hoành N, ông Trần Minh D, ông Nguyễn Văn T có yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về việc thay đổi, rút yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa:

Tại đơn khởi kiện, ông K có yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 27.500.000 đồng gồm 18.500.000 đồng đơn hàng số 3, 7.000.000 đồng đơn hàng số 4 và 2.000.000 đồng tiền thế chân máy của đơn 1 và đơn 2. Tại phiên tòa, ông K thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 20.000.000 đồng gồm 18.000.000 đồng đơn hàng số 3 và 2.000.000 đồng tiền thế chân máy, ông K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng liên quan đến thỏa thuận gia công cơ khí số 10/0725 ngày 09/7/2025.

Tại đơn phản tố bị đơn yêu cầu ông Trần Tuấn K bồi thường tổng số tiền 653.193.150 đồng (Trong đó giá trị đơn hàng số 15/0625 là 7.800.000 đồng, thiệt

hại của đơn hàng số 10/0725 là 143.722.296 đồng, bồi thường thiệt hại là 501.670.854 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn xác định thay đổi yêu cầu phản tố: Yêu cầu ông Trần Tuấn K bồi thường tổng số tiền 173.358.678 đồng (trong đó gồm: 30% giá trị đơn hàng số 15/0625 là 7.800.000 đồng, thiệt hại của đơn hàng số 10/0725 là 163.901.212 đồng (giá trị thỏa thuận của đơn hàng là 26.000.000 đồng và thiệt hại chi phí cố định là 137.901.212 đồng), bồi thường thiệt hại 01 giờ gián đoạn sản xuất là 1.657.466 đồng do hành vi gây rối ngày 14/7/2025). Xin rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 479.834.472 đồng.

Việc thay đổi, rút yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận ông K đã hoàn thành công việc đối với 02 đơn hàng đầu tiên và bị đơn đã thanh toán đủ tiền hàng nhưng còn giữ lại thế chân tiền máy mỗi đơn hàng 1.000.000 đồng, với tổng số tiền 2.000.000 đồng và bị đơn đồng ý hoàn trả cho ông K 2.000.000 đồng tiền thế chân máy này cho ông K. Đồng thời, ông K đồng ý bồi thường cho bị đơn khoản tiền 1.657.466 đồng tương ứng với thiệt hại do việc gián đoạn khoảng 01 giờ làm việc của bị đơn đối với sự việc ngày 14/7/2025. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện và không trái pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Đối với thỏa thuận gia công cơ khí số 15/0625 ngày 28/6/2025: Ông K yêu cầu bị đơn thanh toán giá trị đơn hàng còn lại sau khi trừ 500.000 đồng lỗi vi phạm là 18.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng ông K không nghiệm thu khiến công ty không thể hoàn tất các hồ sơ thanh toán nên công ty không đồng ý thanh toán số tiền còn lại của đơn hàng, đồng thời yêu cầu ông K bồi thường 30% giá trị đơn hàng là 7.800.000 đồng.

Theo nội dung thỏa thuận, ông K nhận gia công + hàn vệ sinh giường D2-39 với số lượng 200 cái, đơn giá 130.000 đồng/cái, tổng giá trị 26.000.000 đồng. Các bên đều thừa nhận bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng và nguyên đơn đã hoàn thành, bàn giao sản phẩm cho công ty vào ngày 09/7/2025. Theo "Phiếu giao nhận bán thành phẩm ngày 04/7/2025" và phiếu nhập kho số AK004 ngày 09/7/2025 cũng như lời khai của các bên đương sự, xác định việc đơn hàng này có xảy ra lỗi mài nguội phạm góc khung đối với 02 sản phẩm, ông K cũng thừa nhận đội thi công của ông có vi phạm các lỗi như biên bản ghi nhận. Trong Hợp đồng có thỏa thuận: "*Khi xảy ra lỗi gia công, hai bên phối hợp hỗ trợ nhau để đẩy kịp tiến độ giao hàng. Trường hợp đơn hàng gấp, bên giao gia công tự xử lý, tùy từng trường hợp bên giao gia công sẽ báo chi phí sữa chữa cho bên đối tác. Trường hợp do lỗi không thể xử lý kịp dẫn đến đơn hàng bị chậm (tỷ lệ hàng lỗi cơ khí >0,5% tổng sản phẩm đơn hàng gia công) thì bên nhận gia công phải chịu trách nhiệm đền bù tổn thất ít nhất 30% trị giá đơn đặt hàng gia công*". Trong quá trình kiểm tra phát hiện sản phẩm có lỗi kỹ thuật và hai bên thống nhất khấu trừ chi phí sửa chữa 500.000 đồng. Xét thấy việc sản phẩm có phát sinh lỗi kỹ thuật nhỏ và chi phí khắc phục 500.000 đồng là tình tiết được các bên thừa nhận, phù hợp với nội dung trình bày tại các biên bản làm việc và lời khai của đương sự

trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường 30% giá trị hợp đồng, tương đương 7.800.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sản phẩm không đạt chất lượng ở mức độ nghiêm trọng đến mức phải áp dụng chế tài bồi thường theo tỷ lệ như yêu cầu, chỉ có căn cứ chấp nhận bồi thường 500.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định nguyên đơn đã hoàn thành công việc theo thỏa thuận, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền gia công theo thỏa thuận. Tổng giá trị hợp đồng là 26.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền đã tạm ứng 7.500.000 đồng và khoản chi phí khắc phục lỗi 500.000 đồng, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 18.000.000 đồng.

[6] Đối với thỏa thuận gia công cơ khí số 10/0725 ngày 09/7/2025: Bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại của đơn hàng này là 163.901.212 đồng (giá trị thỏa thuận của đơn hàng là 26.000.000 đồng và thiệt hại chi phí cố định là 137.901.212 đồng) vì cho rằng nguyên đơn tự ý dừng thực hiện hợp đồng gây thiệt hại. Xét thấy, theo lời trình bày của các bên và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn đã bắt đầu thực hiện công việc từ ngày 10/7/2025. Quá trình thực hiện có phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc khấu trừ chi phí của đơn hàng trước nên nguyên đơn cùng nhóm thợ đã rời khỏi công ty vào chiều ngày 10/7/2025. Tuy nhiên, căn cứ nội dung tin nhắn trao đổi giữa cán bộ công ty với ông K và lời trình bày thống nhất của các bên thì đến sáng ngày 11/7/2025 phía bị đơn trao đổi với nhóm thợ của đội ông K, thống nhất phương án trừ 500.000 đồng bồi thường đơn hàng trước và tiếp tục cho nhóm thợ của nguyên đơn tiếp tục làm việc đến hết ngày 11/7/2025 của đơn hàng đang dang dỡ. Đến ngày 12/7/2025, nguyên đơn vẫn đến làm việc nhưng bị đơn báo bảo vệ không cho nhóm thợ của nguyên đơn vào làm việc. Do đó, có căn cứ xác định lỗi dẫn đến việc không tiếp tục thực hiện được đơn hàng này xuất phát từ việc Công ty không đồng ý cho đội ông K tiếp tục làm việc nên không phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo hợp đồng của đội ông K. Đối với thiệt hại chi phí cố định 137.901.212 đồng mà bị đơn yêu cầu không được thỏa thuận trong hợp đồng và cũng không có chứng cứ chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của nguyên đơn và các khoản chi phí cố định này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn đối với thỏa thuận gia công số 10/0725 ngày 09/7/2025.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông K phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là số tiền 1.657.466 đồng và 500.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận là 20.000.000 đồng và yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 171.201.212 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 542, 544, 548, 551, 552 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn K về việc yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán số tiền 7.000.000 đồng liên quan đến thỏa thuận gia công cơ khí số 10/0725 ngày 09/7/2025.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH S về việc yêu cầu ông Trần Tuấn K bồi thường số tiền 479.834.472 đồng do tổn thất uy tín và môi trường lao động.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn K đối với Công ty TNHH S về tranh chấp hợp đồng gia công.

Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho ông Trần Tuấn K số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH S đối với ông Trần Tuấn K. Buộc ông Trần Tuấn K có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH S số tiền 1.657.466 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH S đối với ông Trần Tuấn K về bồi thường số tiền 171.201.212 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Tuấn K phải chịu 300.000 đồng nhưng khấu trừ số tiền 687.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0013008 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho ông K số tiền 387.500 đồng.

Công ty TNHH S phải chịu 8.585.000 đồng nhưng khấu trừ số tiền 15.064.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0016929 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 6.479.000 đồng.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
-TAND tỉnh Tây Ninh.
-VKSND khu vực 4 – Tây Ninh.
-THADS tỉnh Tây Ninh.
-Các đương sự.
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

**Hồ Thị Miên**